Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8202.10.00

Mã HS	8202.10.00
Mô tả hàng hóa	Cưa tay; lưỡi cưa các loại (kể cả các loại lưỡi rạch, lưỡi khía răng cưa hoặc lưỡi cưa không răng) / - Cưa tay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:54:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82021000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12502
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12502
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12502
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11850
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11793
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11793
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11793
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11793
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11793
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11793
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11845
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11845

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11845
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11845
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11845
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11845
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2.5	VJ!E11846
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F11846
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11846
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11846
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11846
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11846
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11849
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11799
AIFTA	30/12/2022	2022	16	AI!F11805
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	15.5	AI!G11805
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	15	AI!H11805
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I11805
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J11805
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K11805
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11838
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11838
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11838
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11838
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11838
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11838
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11883
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11883
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11883
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11883
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11883
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11868
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11868
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11868
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11868
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11868
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11868
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11868
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11868
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11868
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11868
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11868
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11868
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D11885
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11885
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11885
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11885
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11885
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11885
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D11884
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11884
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11884
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11884

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11884
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11884
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11831
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11831
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11831
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11831
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11831
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11831
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11831
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D11868
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E11868
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F11868
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G11868
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H11868
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I11868
RCEP B	2022	2022	18	B!D11868
RCEP B	2023	2023	16	B!E11868
RCEP B	2024	2024	14	B!F11868
RCEP B	2025	2025	12	B!G11868
RCEP B	2026	2026	10	B!H11868
RCEP B	2027	2027	8	B!I11868
RCEP C	2022	2022	18	C!D11868
RCEP C	2023	2023	16	C!E11868
RCEP C	2024	2024	14	C!F11868
RCEP C	2025	2025	12	C!G11868
RCEP C	2026	2026	10	C!H11868

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I11868
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D11867
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E11867
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F11867
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G11867
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H11867
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I11867
RCEP E	2022	2022	18	E!D11871
RCEP E	2023	2023	16	E!E11871
RCEP E	2024	2024	14	E!F11871
RCEP E	2025	2025	12	E!G11871
RCEP E	2026	2026	10	E!H11871
RCEP E	2027	2027	8	E!I11871
RCEP F	2022	2022	18	F!D11868
RCEP F	2023	2023	16	F!E11868
RCEP F	2024	2024	14	F!F11868
RCEP F	2025	2025	12	F!G11868
RCEP F	2026	2026	10	F!H11868
RCEP F	2027	2027	8	F!I11868
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F10977
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G10977
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H10977
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I10977

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8202.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8202.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12502), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.